

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/7/2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL TỈNH TV

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Ông Thạch Thanh Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Thạch Ươn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh TV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 330/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 101/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 04 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đặng Thị Mỹ H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: ấp 8A, xã ATr, huyện CL, tỉnh TV.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, Khu phố Vĩnh Phước, phường TH, thị xã Tân Uyên, tỉnh BD.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp 8A, xã ATr, huyện CL, tỉnh TV.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Đặng Bảo Tr, sinh ngày 25/04/2016.

Địa chỉ: ấp 8A, xã ATr, huyện CL, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2024, và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ H trình bày:

Trước đây vào năm 2005, do tự tìm hiểu quen biết với anh Nguyễn Văn H1,

sau đó dẫn đến tổ chức cưới nhau, đến ngày 21/02/2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATr, huyện CL, tỉnh TV, sau ngày cưới hai vợ chồng sinh sống bên chồng, thời gian đầu sống rất H Ph, và có 02 con chung tên Nguyễn Đăng Hoàng Ph, sinh ngày 29/01/2006 đã trưởng thành, và Nguyễn Đăng Bảo Tr, sinh ngày 25/04/2016, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, là do anh H1 thường xuyên đánh đập Ph phạm chị, và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể sống chung được, nên chị làm đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, về con chung: chị yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Đăng Bảo Tr không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng, riêng cháu Nguyễn Đăng Hoàng Ph đã trưởng thành, nên không đặt ra vấn đề nuôi và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Trước đây vào năm 2005 do anh tự tìm hiểu quen biết với chị Đặng Thị Mỹ H, sau đó dẫn đến cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATr vào ngày 21 tháng 02 năm 2006, trong thời gian sống chung anh với chị H có 02 con chung là Nguyễn Đăng Hoàng Ph, sinh ngày 29/01/2006 đã trưởng thành, và Nguyễn Đăng Bảo Tr, sinh ngày 25/04/2016, vợ chồng không có tạo ra tài sản chung gì có giá trị. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do cha ruột anh ở ấp 8A xã ATr bị bệnh anh về quê chăm sóc cha không làm ra tiền thì vợ chồng có chuyện mâu thuẫn với nhau, và sống ly thân. Hiện nay anh muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, không đồng ý ly hôn, nếu H kiên quyết ly hôn với anh thì anh xin nuôi cháu Bảo Tr, anh không yêu cầu H phụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr.

Người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan:

Cháu Nguyễn Đăng Bảo Tr trình bày: hiện cháu đang sống chung với cha là Nguyễn Văn H1, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm nghị án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 70; 71; 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ H và bị đơn anh Nguyễn Văn H1, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Đăng Bảo Tr đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, các đương sự đều có bản tự khai thể hiện ý chí và yêu cầu của mình, tại phiên tòa xét xử hôm nay chị H vẫn nguyên ý kiến xin ly hôn, anh H1 xin đoàn tụ, và cháu Nguyễn Đăng Bảo Tr sau khi cha mẹ ly hôn có nguyện vọng sống với cha.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 của BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nH1 toàn bộ đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Mỹ H.

Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: anh Nguyễn Văn H1 được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đặng Bảo Tr, sinh ngày 25/4/2016. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NH1 ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn H1 xác lập quan hệ hôn nhân, và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 21 tháng 02 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã ATr, huyện CL, tỉnh TV đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung chị Đặng Thị Mỹ H với anh Nguyễn Văn H1 có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Hoàng Ph, sinh ngày 29/01/2006 đã trưởng thành, và Nguyễn Đặng Bảo Tr, sinh ngày 25/04/2016, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H1 thường xuyên hành hung đánh đập ngược đãi chị, xúc phạm danh dự chị không lo làm ăn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

[2] Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Đặng Thị Mỹ H, chị H đã từng gửi đơn xin ly hôn nơi tại nơi tạm trú Thị Xã tân Uyên, tỉnh BD vào năm 2022, và Tòa án đã mời đến làm việc nhưng anh H1 không đến mà trở về ấp 8A xã ATr sinh sống cho đến nay, nay xét thấy anh H1 không có khả năng hàn gắn đoàn tụ với chị H được, nên chị Đặng Thị Mỹ H làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, về con chung tên Nguyễn Đặng Hoàng Ph, sinh ngày 29/01/2006 đã trưởng thành, Nguyễn Đặng Bảo Tr đang sống chung với anh H1, và sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha, Hội đồng xét xử tôn trọng sự quyết định của cháu Tr nên đồng ý để cháu Tr sống với anh H1, chị H không phải phụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr do anh H1 không yêu cầu.

[3] Đối với anh Nguyễn Văn H1 không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ, xét thấy tại biên bản ghi lời khai và tại buổi hoà giải anh cũng yêu cầu xin đoàn tụ, nhưng anh không thuyết phục được chị H, và không đưa ra được biện pháp nào chắc chắn để bảo đảm lời nói, anh hứa khắc phục sửa chữa lỗi lầm nhưng chị H không thể tin tưởng việc hứa hẹn của anh, từ đó việc đưa vụ án ra xét xử không chấp nH1 yêu cầu đoàn tụ của anh H1 là có căn cứ.

[4] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định; thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ

nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng ở đây hai người sống với nhau được 02 đứa con chung cháu Ph đã trưởng thành, cháu Tr còn nhỏ lẽ ra anh H1 vì thương con phải lo làm ăn nuôi con chung và xây dựng H Ph gia đình, nhưng anh thường xuyên chửi bới đánh đập chị. Từ đó, nên chị H kiên quyết xin ly hôn với anh H1.

Từ các cơ sở phân tích trên, thấy rằng mục đích hôn nhân của chị Đặng Thị Mỹ H với anh Nguyễn Văn H1 không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy việc chị Đặng Thị Mỹ H xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nH1 yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Mỹ H là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[5]Về con chung: do cháu Nguyễn Đặng Bảo Tr, sinh ngày 25/4/2016, hiện đang sống chung với anh H1, sau khi cha mẹ ly hôn cháu Tr có nguyện vọng sống với cha, nên Hội đồng xét xử chấp nH1 cho cháu Tr sống với anh H1, chị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr do anh H1 không có yêu cầu.

[6]Về tài sản chung, và nợ chung: do chị Đặng Thị Mỹ H, và anh Nguyễn Văn H1 khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]Án phí: chị Đặng Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Vị kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nH1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1, điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: các Điều 19; 51; 54; 56; 58; 69; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nH1 yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Mỹ H.

Cho chị Đặng Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: anh Nguyễn Văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Đặng Bảo Tr, sinh ngày 25/4/2016, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con Bảo Tr do anh H1 không yêu cầu.

Chị Đặng Thị Mỹ H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dạy con chung không ai được quyền ngăn cấm hoặc cản trở.

Về tài sản, nợ chung: chị Đặng Thị Mỹ H, và anh Nguyễn Văn H1 khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Đặng Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004195,

ngày 06/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL. Nên chị H không phải nộp thêm tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn H1 không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự có mặt tại phiên Tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b, và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nH1:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Văn Tâm

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

